

## Cộng đồng các dân tộc thiểu số trôi nổi trên dòng sông 'Đổi mới' Nông Lâm trường

### I. Mở đầu

Từ hàng ngàn đời nay, hết thế hệ này sang thế hệ khác, đồng bào các dân tộc thiểu số<sup>1</sup> (gọi tắt là Cộng đồng) trên đất nước Việt nam đã dày công rèn luyện cho con cháu của họ cần biết đối xử phải đạo với rừng như là phụng dưỡng các bậc tiền bối uy tín trong Cộng đồng. Mặc dù, cách gọi tên rừng<sup>2</sup> của Cộng đồng không giống như cách đặt tên<sup>3</sup> rừng của các nhà Khoa học đã được Nhà nước chính thức hóa trong văn bản Pháp luật.

Nếu Nhà nước đặt tên là “rừng đặc dụng” và thành lập một “Ban quản lý vườn Quốc gia” để bảo vệ “rừng đặc dụng” với một lượng ngân sách hàng năm đáng kể để quản trị bao cấp về đời sống vật chất và cơ sở hạ tầng thiết yếu cho cán bộ làm công ăn lương thực hiện mục tiêu duy trì quỹ gen đa dạng sinh học của Thiên nhiên; thì Cộng đồng gọi tên là “rừng tâm linh” và Cộng đồng tự hình thành nên một hệ thống thiết chế Cộng đồng bất thành văn, bắt đầu từ niềm tin vào các vị Thần siêu uy quyền của “rừng tâm linh”. Hệ thống thiết chế Cộng đồng này thích nghi, sàng lọc và lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác thông qua các chuẩn mực hành vi ứng xử với Thiên nhiên trong lao động sản xuất cũng như các hoạt động sinh kế hàng ngày với rừng. Mỗi nhóm dân tộc thiểu số gọi tên “rừng Tâm linh” khác nhau theo cách giải thích thế giới uy quyền tối thượng và huyền bí của rừng bởi các ngôn ngữ và tục truyền riêng.

Cộng đồng quan niệm “rừng tâm linh” là sự sắp đặt của Tự nhiên để phù hộ cho muôn loài sống và ứng xử thân thiện với rừng và, con người không thể tùy tiện sắp đặt theo ý riêng mà không xin phép các vị Thần trước khi ứng xử với ‘rừng tâm linh’.

Một số nhóm người Hmong gọi tên “rừng tâm linh là rừng Nào lòng” và ở trong “rừng Nào lòng”, cho dù muốn đi tiểu tiện, bà con người Hmong cũng cảm thấy có lỗi với Thần. (*già Hoàng Seo Cẩu, xã Cán hồ, già Hoàng Seo Nhà, xã Cán Cẩu, già Hoàng Seo Hăng, thôn phố củ, huyện Simacai, tỉnh Lao cai, Già Khay Xu Zang, bản Lóng lãn, huyện Luangphrabang, tỉnh Luang phrabang khẳng định tại cuộc họp ‘mạng lưới thuốc nam trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng và bảo tồn vốn đa dạng văn hóa sinh học của mạng lưới MECO-ECOTRA<sup>4</sup> tại trường đào tạo Nhà nông Sinh thái trẻ HEPA tháng 8 năm 2004.*

<sup>1</sup> Đồng bào các dân tộc thiểu số = được gọi là Cộng đồng

<sup>2</sup> Đồng bào Hmong gọi tên Tông Xanh, Thứ ti, Nào lòng; Đồng bào Khơ mú gọi tên Lieng phi ho. Các tên gọi này gắn liền với tín ngưỡng của Đồng bào đối với rừng (giá trị phi vật chất của rừng)

<sup>3</sup> Nhà nước đặt tên rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất. Giá trị vật chất của rừng vì lợi ích kinh tế (giá trị phi vật chất của rừng)

<sup>4</sup> MECO-ECOTRA = Mê công Community Networking and Ecological Trading – a long last partner of SPERI

Một số nhóm người Hmong khác gọi tên ‘rừng tâm linh là rừng Tòng Xenh’ và cũng tương tự như “rừng Nào lòng”, họ không thể làm điều không sạch ở trong lãnh địa ‘rừng Tòng xenh’. (*Già Thào A Zua, bản Maesamai, huyện Chiang mai, Tỉnh Chiang mai, Thái lan tại cuộc họp về ‘giải quyết xung đột về rừng và đất dựa vào Luật tục tại Luang phrabang, tháng 10 năm 2009*).

Nhóm người Khơ mú lại gọi tên rừng là Liêng Piho và họ có cả một lễ uống thè để cùng nhau quản tụ trong rừng với sự phù hộ của Thần Liêng Piho. (*Già Thong phay giải thích tục cúng lễ Liêng Piho tại hội nghị các già làng trong lễ ăn thè tại bản Lóng lăn tháng 10 năm 2009*).

Nếu Nhà nước đặt tên “Rừng phòng hộ” và thành lập các “ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn” với những khoản ngân sách không lồ của nhân dân để chi cho các hoạt động bao cấp quản lý bảo vệ theo kiểu “vườn Quốc gia”, thì Cộng đồng gọi tên các cánh rừng này là “rừng truyền thống dòng họ”. Những cánh rừng này được gìn giữ, bảo vệ và tôn tạo theo cách riêng của từng dòng họ thông qua các lễ thờ cúng được làm tại rừng với các thế hệ, các lứa tuổi khác nhau trong dòng họ theo mùa trong năm. Cộng đồng quan niệm các vị Thần trong ‘rừng dòng họ’ giúp cho các gia đình trong dòng họ có nguồn nước làm nương, làm rẫy, làm ruộng bậc thang và sinh hoạt trong cuộc sống hàng ngày.

Nhiều nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Sinh thái Chính sách Xã hội (SPERI) từ những năm cuối của thế kỷ 20 và thập kỷ đầu của thiên niên kỷ đã ngộ ra những đặt thù *cơ bản khác nhau trong triết lý và giải pháp* ứng xử và nuôi dưỡng rừng giữa Cộng đồng và các chính sách cũng như cách thực thi của Chính phủ Việt nam.

Cộng đồng ứng xử và nuôi dưỡng rừng dựa vào niềm tin, hệ thống luật tục được mọi thành viên trong cộng đồng tự nguyện tham gia đúc kết, lưu truyền bất thành văn hết đời này sang đời khác, và trở thành tín ngưỡng. Họ thực hành thông qua lao động, sản xuất trong quá trình gắn bó với rừng. Rừng là nơi bảo lãnh sinh kế và chủ quyền sinh kế của họ, là nơi nuôi dưỡng các giá trị tín ngưỡng, tri thức và các kinh nghiệm của Cộng đồng trong quá trình đồng hành bằng hữu với rừng. Rừng là không gian tự do để Cộng đồng sáng tạo, là nguồn cảm hứng để cho những sáng tạo của cộng đồng được thích nghi và phát triển theo thời gian và lịch sử phát triển kinh tế xã hội, văn hóa tín ngưỡng của Cộng đồng. Rừng là môi trường giáo dục nhân sinh quan vị thiên nhiên và vị Cộng đồng của đồng bào. Cộng đồng xem rừng là mẹ, Trời (Giàng) là cha, nơi sinh ra họ và muôn loài. Cộng đồng thờ cúng rừng, phụng dưỡng thiên nhiên<sup>5</sup> trong mọi hành vi khi lên

---

<sup>5</sup> ‘Phụng dưỡng Thiên nhiên là một niềm tin và hệ thống hành vi truyền thống, thánh thiện và văn minh trong quan hệ bằng hữu giữa con người với Tự nhiên. Chúng ta có thể cảm nhận chuỗi hành vi thánh thiện đó thông qua cuộc sống hàng ngày của các dân tộc thiểu số bản địa<sup>3</sup> lưu vực sông Mêkong. Phụng dưỡng Thiên nhiên là một tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số bản địa cần được nhìn nhận và hiểu công bằng như bao tín ngưỡng khác’. Trần thị Lành 1992

nương, khi dựng nãi, khi xuống núi, khi làm nhà. Cộng đồng quan niệm rừng và đất là siêu uy quyền, không thuộc sở hữu của riêng ai<sup>6</sup>. Phải chăng quan niệm về rừng và đất của Cộng đồng gần tương đồng với Hiến Pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam: ‘*Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, Nhà nước đại diện cho dân thống nhất quản lý!*’?. Đáng tiếc là nhiều nhận xét cho rằng hệ thống luật tục và tín ngưỡng ứng xử này là hủ tục, dị đoan và mê tín, phản khoa học và cần phải triệt tiêu!?. Chính vì thiếu nghiên cứu thực tiễn và kết tội theo ý chí chủ quan của một số nhà Khoa học và các nhà chính sách, đã dẫn đến hàng loạt các lỗi lầm trong ứng xử với Cộng đồng từ năm 1975 tới nay, có những ứng xử đã gây nên những phản ứng phản tác dụng trên nhiều khía cạnh văn hóa, xã hội, kinh tế và tín ngưỡng của Cộng đồng sống trong rừng. (*Ly tán dân ra khỏi rừng, tước đoạt sinh kế hàng ngày để thiên vị cho các công ty- phân tích ở nghiên cứu điểm tại các cộng đồng thuộc vùng giao đất giao rừng của TEW/CHESH/CIRD/SPERI thực hiện từ năm 1995 lại nay*).

Một số nhà Khoa học, nhà lãnh đạo và một số doanh nghiệp cho rằng rừng là chỗ dựa về kinh tế (thuần túy lợi nhuận cục bộ của rừng) để nhào nặn và hình thành một hệ thống qui hoạch sử dụng công sản rừng và đất được bảo hộ bằng các khái niệm của khoa học và pháp luật để quản lý và khai thác rừng, khác cơ bản với hệ thống luật tục và tri thức địa phương của Cộng đồng. Những chính sách này hoàn toàn vô cảm với rừng và đất; và cho rằng bảo vệ và phát triển rừng là bổn phận của các tổ chức thuộc Chính phủ và các Công ty do Chính phủ điều hành. Hàng loạt các văn bản của Chính phủ ra đời về thành lập các vườn quốc gia, các khu bảo tồn, rừng phòng hộ, hàng ngàn tỉ đồng của nhân dân được Chính phủ chi tiêu để phục hồi (reforestation) nhiều triệu ha rừng đang bị tàn phá và có nguy cơ thoái hóa nghiêm trọng đều *vắng bóng Cộng đồng, cô lập vai trò của Cộng đồng trong tham gia từ bàn luận chính sách, đến thực thi, giám sát và đánh giá chính sách đối với rừng!*?. Nhiều chương trình đã không chế việc ly tán Cộng đồng ra khỏi nơi chôn rau cắt rốn từ rừng của họ vì mục đích sinh lợi thuần túy về kinh tế của các Công ty chỉ vì cho rằng Cộng đồng cúng rừng, nuôi dưỡng rừng là mê tín dị đoan và lạc hậu!.

Hai quan niệm về rừng, một bên là các Cộng đồng sống trong rừng từ thế này đến thế hệ khác, xem rừng là nơi Cộng đồng gửi gắm, nuôi dưỡng, thực hành cuộc sống vật chất, văn hóa, tín ngưỡng và tinh thần, một bên là các nhà lập chính sách, các quan niệm về kinh tế rừng, và các chủ Nông Lâm trường xem rừng như một tài sản sinh lợi kinh tế thuần túy. Hai quan niệm này đang có xu hướng ngày càng xa nhau và đã nảy sinh nhiều bất cập trong đời sống hàng ngày, trong quan hệ xã hội và trong quan điểm phát triển hài hòa.

---

<sup>6</sup> Hiến pháp Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam qui định “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân” phải chăng quan niệm của đồng bào là phải đạo với Hiến pháp

Việc hình thành một loạt các chính sách ‘Đổi mới’ từ 1986-1999 đến nay liên quan đến rừng và đất rừng chưa đề cập đến quyền được quản lý và đồng quản lý, nghĩa vụ được tự chịu trách nhiệm và đồng chịu trách nhiệm bảo vệ và phát triển rừng giữa Cộng đồng, dân sở tại và các chủ Lâm Nông trường, các công ty trực thuộc các Nông Lâm trường là lỗi thể hiện thái độ tư duy hệ thống trong lập pháp và hành pháp thiếu cởi mở, thiếu tin dân. Kiểu tư duy và thái độ này đã, đang và sẽ tiếp tục nung nấu những tiềm ẩn và nguy cơ mất niềm tin giữa Dân và Chính phủ. Cha ông ta có câu: ‘Mất Tiền ví như của đi thay người, hay nói cách khác là chả mất gì, mất Tình là mất một nửa, còn mất Tin là mất tất cả’.

Sống trong sự thiếu Tin tưởng lẫn nhau giữa Dân và Chính phủ là sống trong bất An, bất Ổn, bất Bình và bất nghĩa, hậu quả sẽ dẫn đến một cuộc sống xã hội bất Nhân.

Dân không quan tâm đến Chính phủ, Chính phủ chưa tin dân là những mất mát lớn của một quốc gia.

Thực tế giữa dân và một số quan chức bằng mặt mà cách lòng là việc đã xảy ra đâu đó, và tất yếu sẽ xảy ra ngày càng nhiều, nếu Chính phủ vẫn không có giải pháp mạnh để vượt lên chính mình, vượt lên những lỗi lầm của quá khứ, của hôm nay để tìm lại chính mình của những năm tháng chung lòng với cộng đồng cứu quốc đã trở thành niềm tự hào vang động khắp năm châu không chỉ sẽ vĩnh viễn mất đi mà, chắc chắn sẽ để lại một hậu họa liên thế hệ phải trả giá. ‘Viện nhân nghĩa cốt ở An dân’!.

Dân, đặc biệt là hơn 15 triệu đồng bào Cộng đồng dân tộc thiểu số xưa và nay vẫn thủy chung với rừng, với đất Tổ tiên và một lòng thành kính với Chính phủ trong hai cuộc chiến tranh đầy máu và nước mắt, thì nay rừng, đất Tổ tiên và kể cả hình ảnh, uy tín của Chính phủ đã bị một số cán bộ, một số ông chủ Nông Lâm trường, một số cá nhân và các công ty cố tình bóp méo, lạm quyền và lộng hành để chiếm dụng, để thiên biến, để móc ngoặc và trục lợi cá nhân từ rừng và đất của Cộng đồng do các chính sách và mệnh lệnh của Chính phủ gây ra. *(Nghiên cứu điểm của công ty Thịnh lộc tại Đồng Thắng và công ty Tân nguyệt tại Hữulũng, Tỉnh Lạng sơn )*.

Cộng đồng mất quyền tín ngưỡng phụng dưỡng Thiên nhiên, mất không gian sinh tồn và thực hành các tri thức phục vụ cho nhu cầu vật chất và tinh thần hàng ngày. Cộng đồng bị lạc hướng, khủng hoảng và trở thành lệ thuộc hoàn toàn. Cộng đồng và dân sở tại trở thành nô lệ cho các ông chủ Nông Lâm trường và các Công ty trực thuộc Nông Lâm trường sau bao nhiêu năm trôi nổi trên dòng sông tái định canh, định cư, của làng văn hóa mới, của các điểm sáng văn hóa áp đặt từ trên xuống. *(Nghiên cứu điểm của xã Ba vì, Vườn Quốc gia Ba vì)*

Thiên nhiên Việt nam ngày càng mất đi những giá trị đa dạng sinh học và các di sản cảnh quan độc đáo mà hàng trăm năm, hàng triệu tỉ đồng cũng khó tái dựng trở lại.

Chính phủ Việt nam sẽ phải đối mặt với nguy cơ ‘tự cô lập mình trong lòng dân’. Chính sách phát triển quốc gia để lại đằng sau những ám ức và bất hạnh. Tính an toàn liên thể hệ về nhân phẩm, về lòng tự trọng dân tộc, tinh thần đoàn kết và tin tưởng lẫn nhau trong xã hội sẽ bị xói mòn theo năm tháng, bởi công sản rừng và đất thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý *chưa được chia sẻ công bằng và có đạo đức* như là ‘một Chính phủ của dân, do dân và vì dân’. Chiến lược lãnh đạo và sứ mệnh ‘Bồi dân, do dân và vì dân’ và vì một xã hội Việt nam mà ở đó “Nghĩa vụ và Quyền giữa Dân, Cộng đồng, các Tổ chức Nhà nước và các Công ty” chưa thể hiện bằng hành vi, chưa thiện ý bằng thực tế và, chưa cởi mở bằng trái tim và lý trí của người lãnh đạo. Hậu quả của các chữ ký<sup>7</sup> lợi dụng quyền, các văn bản lợi dụng vị thế quyền lực, đã gián tiếp tử hình sinh kế của hàng vạn dân đang sống trong rừng đầy trách nhiệm tự nguyện phụng dưỡng rừng xưa và nay, mà không xảy ra một cuộc cách mạng nào, mới là kết cục đáng buồn cho cả dân và Chính phủ. Còn một cuộc cách mạng phải xảy ra thì mới là theo qui luật tất yếu của sinh tồn: “tức nước vỡ bờ” để phát triển hài hòa. Ngẫm những kẻ mũ cao áo rộng. Ngồi bút nghiên thác ở trong tay. Kinh luân đựng một túi đầy. Đã đem quân Nhạc, lại ngày chu quân; tướng chỉ trong quá khứ nhưng lại tái hồi xuân mạnh liệt hôm nay.

1. Tại sao có sự khác nhau cơ bản về quyền và quan niệm đối xử với rừng giữa Cộng đồng và Chính phủ?! 2. Sự khác nhau cơ bản được thể hiện và minh họa hàng ngày như thế nào tại các vùng rừng?! (*xem chi tiết tại nghiên cứu điểm thôn Lùng sán, xã Lùng sui những minh chứng thực tiễn đã phát hiện và nhận diện bởi phương pháp luận giao đất, giải quyết các chồng chéo và chồng lấn giữa ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng tâm linh dựa vào luật tục và trân trọng triết để sự tham gia của già làng và hệ thống luật tục do SPERI thực hiện thông tư 07/TTLT/2011 bắt đầu từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 10 năm 2012 ngay sau khi Thông tư 07/TTLT/2011 có hiệu lực được 4 tháng*).

## **II. Các nỗ lực của Chính phủ “bồi dân, do dân và vì dân”**

### **II.1. Phục hồi hậu chiến tranh (1975-1986 - 1992)**

#### **II.1. a. Tâm lý và ý thức dân tộc sau chiến tranh**

Sự hãnh diện và tự hào của một thời kỳ tập trung triệt để các nguồn lực về ý chí, về sáng tạo, đặc biệt là chung lòng, chung sức đoàn kết gắn bó chiến đấu vì Tổ

<sup>7</sup> Những văn bản đồng tình ủng hộ các Công ty thành lập thiếu kiểm soát để tích tụ rừng và đất bằng chiếm đoạt các cánh rừng của đồng bào trên khắp cả nước. Tri lễ, một xã vùng cao có tới 4 loại hình công ty nhưng xuất thân từ một cặp bố mẹ

quốc của dân, của ý Đảng và lòng dân là một, của sự vận dụng triệt để các thế mạnh của rừng, đặc biệt là tinh thần vì Tổ quốc của Cộng đồng ở trong rừng trong chiến tranh, cả đất nước vui mừng trong chiến công chân động địa cầu mùa xuân 1975. Cộng đồng tại thời khắc đất nước ngàn cân treo sợi tóc lúc bấy giờ không chỉ là mẹ chiến sĩ ‘Bầm của con, Mẹ vệ quốc quân, con đi xa cũng như gần, anh em đồng chí quây quần là con, con đi trăm nẻo đường quê, chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng Bầm, nhớ thương con Bầm yên tâm nhé, Bầm của con mẹ vệ quốc quân’. Chiến tranh và tang tóc, Cộng đồng không chỉ là mẹ của người chiến sĩ, mà là căn cứ chính trị, quân sự, an ninh, và hơn thế nữa, là điểm tựa của ý thức và tinh thần đoàn kết dân tộc quân dân như cá với nước, một chỗ dựa về niềm tin và lòng thủy chung tuyệt đối của lực lượng quốc phòng. Khó tìm thấy ai thay thế Cộng đồng trong rừng làm chỗ dựa khi vận nước ngàn cân treo sợi tóc. Một bác dân tộc Katu tâm sự *“quê mình ở suối La La, có bài hát ời con suối Lala, Chiến tranh, dân tộc mình giúp bộ đội đuổi giặc. Hòa bình, bộ đội bỏ đi, không thấy bộ đội quay lại bản thăm mình, thấy cán bộ định canh định cư đến, nó nói mình lạc hậu, nó cho mình gạo và muối, nó mắng mình không biết nói, không biết chữ, mình không được ở lại với suối La la, dân tộc mình phải chuyển đi nơi khác, nó không cho mình cúng suối Lala, không cho mình ở với suối Lala, thần suối Lala không vui, mình buồn vì phải bỏ nó đi. Bây giờ mình thấy có lỗi với Thần suối Lala. Có một ngày, Bác Chính phủ đến, ôm mình và hỏi, mình đói như thế nào, mình lắc đầu, mình không nói, mình nói tiếng mình, mình sợ sai, bác Chính phủ sẽ phạt”*. Hòa bình lập lại ai cũng có thể thay thế Cộng đồng ở trong rừng. Các thế mạnh của rừng, những hệ giá trị của Cộng đồng sống trong rừng như cúng Thần suối Lala trở thành cụm từ ‘mê tín dị đoan’ và là chướng ngại lớn cho tiến trình ‘tái thiết đất nước sau chiến tranh’! Ở đâu có tín ngưỡng thờ cúng Thiên nhiên là ở đó gặp phải những phản ứng của Cộng đồng khi vào khai thác. Do vậy, xuất hiện các lập luận của các nhà xã hội học, dân tộc học thời trũng nước của nền tảng hiểu biết vốn dĩ vay mượn từ phương Tây, thiếu chính kiến thực tiễn, đã vô hình chung nguy hiểm cho các nhà chính sách cái gọi là “tái định canh định cư” để biện minh cho các hành vi di dời Cộng đồng ra khỏi rừng và thay thế bởi các ông chủ Lâm trường và các công ty do Nhà nước điều hành nhằm tạo ra không gian thuận lợi để khai thác rừng âu cũng là điều dễ cảm thông trong bối cảnh tái thiết đất nước sau chiến tranh với một nền tảng xã hội học, nhân chủng học chưa được đúc kết đích thực từ thực tiễn của cuộc sống. Việc di dời đồng bào dân tộc thiểu số ra khỏi các lãnh địa tổ tiên, nơi không chỉ là không gian sinh tồn, mà là nơi tự tín ngưỡng phụng dưỡng thiên nhiên ngàn đời của họ để Vị đất nước phải tái thiết sau chiến tranh âu cũng là điều dễ cảm thông. Câu hỏi đặt ra là lập trường và thái độ của các nhà lãnh đạo trong định hướng mục tiêu và hành động ứng xử với Cộng đồng trong từng vùng miền để chèo lái tinh thần đoàn kết và ý chí dân tộc cùng vươn lên và tiếp tục làm giàu ý Đảng lòng dân khi đất nước hòa bình để tránh dẫm đạp lên các giá trị riêng của nhau, tránh tước đoạt quyền sinh tồn cơ bản của nhau, không vi phạm các hành vi chia đàn xé nghé và triệt tiêu các tinh hoa đa dạng văn hóa vốn dĩ đã trở thành di sản truyền thống của chính Cộng đồng, của cả quốc gia, đã trở thành

hơi thở với sự đam chồi nảy lộc của trữ lượng rừng, của sinh khối rừng và của các vị Thần trong rừng nói riêng cũng như; với nhiều bậc tiền bối lãnh đạo rừng và đưa đất nước thoát khỏi ách thực dân đang mỉm cười ở nơi chín suối. Điều gì xảy ra khi ly tán Cộng đồng ra khỏi rừng và thế chỗ bởi lực lượng gìn giữ rừng bằng làm công ăn lương? Điều gì xảy ra khi giữa Cộng đồng và Chính phủ ngày càng xa nhau chỉ vì mệnh lệnh và thiếu thiện chí trong ứng xử đúng pháp lý và; phải đạo lý về nghĩa vụ và quyền đồng quản lý, bảo vệ và đồng hưởng dụng rừng giữa Cộng đồng – Nhà nước và Công ty!. Khẩu hiệu: “Đi lên Chủ nghĩa Xã hội từ Chế độ Phong kiến - 1959”, đã trở thành mệnh lệnh và ý chí của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và, toàn bộ sinh linh cây cỏ (toàn bộ tài nguyên thiên nhiên) thuộc lãnh thổ Việt nam khi bắt đầu phải đối mặt với Chiến tranh chống Mỹ. Mệnh lệnh này được các Nhà lãnh đạo tâm đắc và tự tin tuyên bố: “Xây dựng một xã hội Xã hội Chủ nghĩa không qua giai đoạn Tư bản Chủ nghĩa” ngay sau kết thúc chiến tranh 1975, trong một trạng thái đầy kiêu hãnh của Người chiến thắng (mùa xuân năm 1975). Các nhà lãnh đạo lúc bấy giờ e vì quá hân hoan nên đã vứt bỏ trí thông minh, tri thức biện chứng của qui luật và hành vi sống vị đạo, hành xử vì nghĩa đối với đồng bào, một nguồn vốn xã hội dân sự truyền thống sẵn sàng cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh, đã kề vai sát cánh cùng các nhà lãnh đạo đi suốt chặng đường đấu tranh giành độc lập dân tộc và thành công trong chiến tranh chống giặc ngoại xâm: *‘dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong!’*. Chính phủ tiếp tục phong cách và hành vi ‘mệnh lệnh’ từ đầu não trong chiến tranh chống giặc ngoại xâm *áp vào* một giai đoạn hoàn toàn mới của đất nước (hòa bình) và, lãng quên nét tế nhị của một nền văn hóa lấy hành vi ứng xử hàng ngày trên nền bản lĩnh *“đỉnh cao của văn minh là hành vi”* vốn dĩ đã đi vào từng đường gân thớ thịt của dân tộc Việt cổ và đương đại đã đành, thêm vào đó là thiếu tế nhị, thiếu chất liêm sĩ của người lãnh đạo đối với hai tiếng ‘Cộng đồng’. Hầu hết văn bản pháp luật và hành vi thực tế tập trung ưu tiên và tin cậy vào Lâm trường Quốc doanh và các công ty trực thuộc Lâm trường để tấn công chiếm lĩnh rừng và đất nơi Cộng đồng sinh ra, lớn lên, trường tồn theo thời gian và; dùng mệnh lệnh định canh định cư để bung bê Cộng đồng ra khỏi rừng và sống biệt lập trông chờ phát chẩn từ cán bộ định canh định cư là thất lễ, thất đức và thất đạo trong mọi biện minh.

## II.1. b. Ý chí lãnh đạo đất nước sau chiến tranh

Kết thúc chiến tranh, đất nước phục hồi hậu quả chiến tranh dựa vào kế hoạch và qui mô khai thác rừng để tái thiết đất nước dưới nhiều hình thức: 1) Rừng khai thác được trực tiếp kiến thiết đất nước sau chiến tranh tàn phá; 2) Xuất khẩu rừng thô để tăng quỹ tiền tệ phục vụ cho nhiều mục tiêu và nhu cầu của nhân dân; 3) Qui hoạch lại rừng để bảo tồn<sup>8</sup>; 4) Định canh định cư<sup>9</sup> Cộng đồng ra khỏi

<sup>8</sup> Bảo tồn và phát triển theo ý chí chủ quan từ trên xuống đã thay thế nhiều vùng đất tổ tiên của đồng bào trở thành những Lâm trường chuyên khai thác

các cánh rừng để tập trung khai thác<sup>10</sup> và phát triển<sup>11</sup>. Khác với thời kỳ 1975-1986, Chính phủ chỉ đạo tập trung khai thác rừng để ‘hồi phục hậu quả chiến tranh’, thì giai đoạn 1986 – 1999, Chính phủ chỉ đạo xuyên suốt ‘phục hồi rừng do hậu quả khai thác bừa bãi’ của 1975-1986. “Vòng luân quân bắt đầu từ đây”!.

Tiếp tục mệnh lệnh theo kiểu chỉ đạo cả nước trong chiến tranh, ‘Đóng cửa rừng’ số 90- CT ngày 19/3/1992 là mệnh lệnh đầu tiên. Hệ thống Lâm trường vốn dĩ thiện nghệ về chức năng khai thác rừng trong suốt hơn một thập kỷ (1975-1990), Chính phủ ‘Đóng cửa rừng’, về mặt pháp luật là đóng cửa sinh kế của hàng trăm Cộng đồng với hàng chục triệu dân sống trong rừng và hàng trăm ngàn công nhân viên Lâm trường sống dựa vào khai thác rừng hơn một thập kỷ. (1975-1990).

*Rừng đối với Cộng đồng là niềm tự hào trong chiến tranh đối với người chiến sĩ, Cộng đồng cung cấp rau rừng, thuốc chữa bệnh từ rừng, và là không gian an toàn của lòng người và tình rừng để giấu các nhà lãnh đạo chiến tranh. Nguồn tri thức từ rừng của Cộng đồng là một lịch sử của thích nghi, của tiến trình nuôi dưỡng và sáng tạo hàng trăm năm. Thời bình rừng là chợ, là bệnh viện, là trường học, là nơi thờ tự các vị Thần Thiên nhiên, là không gian tự do và sáng tạo nguồn vốn tri thức hiểu biết về thế giới tự nhiên phục vụ cho nhu cầu vị Cộng đồng và vị thiên nhiên. Với đất nước rừng được ví tựa như ‘hồn Tổ quốc ngự nơi rừng sâu thẳm, rừng suy tàn Tổ quốc suy vong’!.*

Các cộng đồng đối tác của SPERI từ Bắc tới Nam, từ Việt nam đến nước bạn trong lưu vực sông Mê kong, đồng bào đều thể hiện khá giống nhau về đạo lý ứng xử với rừng, mặc dù dưới các cách thể hiện có khác nhau. Trong khi Chính phủ thì coi đồng bào vái lạy rừng là những biểu hiện mê tín dị đoan, lạc hậu. Nhiều bản làng bị các chương trình định canh định cư, tự tiện thay tên, đổi họ, ly tán buôn làng ra khỏi nơi thờ tự Thiên nhiên và Tổ tiên. Hậu quả của gần 30 năm kể từ 1975, định canh định cư đã gây ra cho nhiều già làng, nhiều cộng đồng cảm thấy bị tổn thương. Họ bị tước đoạt không gian phụng thờ Thiên nhiên và Tổ tiên, họ thấy mình tự xúc phạm và thất đức với truyền thống và đạo lý của dân tộc mình. Họ phải sống triền miên trong khủng hoảng khi bị tách khỏi rừng và ngày càng ngấm sâu trong tâm khảm của họ. Có những già làng tâm sự trong ngậm ngùi với những hơi thở dài ngao ngán khi sống trong các khu tái định canh định cư theo kiểu chuồng chim bồ câu được thiết kế giờ trống giờ mái kỳ quái của một thời kỳ kiến trúc, cảnh quan hỗn độn đến mức quên cả không gian cho đồng bào thực hiện các chức năng sinh lý hàng ngày như đại tiện tiểu tiện cũng bị tước đoạt trong các tư duy thiết kế qui hoạch. Định canh định cư triệt tiêu thô bạo những kiến trúc thờ tự thế giới tự nhiên được thể hiện bằng sự gửi gắm niềm tin và linh hồn thông qua

<sup>9</sup> Đồng bào các dân tộc thiểu số buộc phải di dời đi nơi khác và được bảo trợ bởi dự án định canh định cư, lấy lợi ích từ khai thác tài nguyên làm nguồn trợ cấp và bao cấp cho cả đồng bào dân tộc và cán bộ nông lâm trường. Cả đất nước ăn rừng

<sup>10</sup> Khai thác: bán nguyên liệu thô, chế biến tài thiết đất nước

<sup>11</sup> Trồng các cánh rừng kinh tế để sử dụng làm nguyên liệu gỗ trụ mỏ...



kiến trúc nhà, nóc nhà, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ, cột nhà, buồng thiêng, bếp, cầu thang nam, cầu thang nữ trước khi bàn giao chìa khóa trao tay các khu nhà tái định cư cho đồng bào. Cộng đồng phải tìm về chốn cũ, sống trong tâm trạng và thực trạng phi pháp bởi rừng của họ đã trở thành rừng trong tay các ông chủ Lâm trường và các công ty, họ sống trong vụng trộm ngay trên mảnh đất Tổ tiên của chính họ và *bị qui phạm pháp*<sup>12</sup>. Nghị định 200/2004 “Chương IV. Các giải pháp cụ thể. Điều 7. Về đất đai. Điểm 2. Xử lý, giải quyết dứt điểm các trường hợp tranh chấp và vi phạm pháp luật về đất đai (*đất Lâm trường bị lấn chiếm, có tranh chấp, vi phạm*) *giải quyết dứt điểm đối với từng trường hợp cụ thể theo qui định của Pháp luật*. Họ càng thấy tội lỗi với rừng, với chính mình, với Tổ tiên, nhưng hơi thở và sinh kế buộc họ phải đâm lao theo lao và chờ ngày phán quyết của các vị Thần Thiên nhiên. Tên gọi Chính phủ trở nên xa lạ dần và ngày càng cách biệt. Cuộc bạo loạn Tây nguyên 2001 là một ví dụ đau đớn xót xa cho cả dân tình và thể thái quan sang. Lịch sử rất muốn quẳng vào dĩ vãng nhưng thực tế ấy vẫn trần trụi, âm thầm và cháy bỏng chỉ vì sự tiếp tục mệnh lệnh trong chiến tranh mà chưa chịu phục thiện và phục sinh đối với Cộng đồng tại thời điểm thế nước vận nhà đang chao đảo trong hội nhập toàn cầu hóa lấy đầu giá rừng và đất của nhân dân để cạnh tranh lợi ích trên các sàn chứng khoán. Nghị định 200/2004. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xác định hoặc điều chỉnh lại diện tích, ranh giới các loại đất giao cho *các Công ty Lâm nghiệp, Ban quản lý Rừng dự kiến thành lập*. Điểm 4. Mục a. Giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, Lâm trường chuyển đổi sang loại hình đơn vị sự nghiệp có thu, đất để làm dịch vụ sản xuất giống, chuyên giao dịch vụ, đất phục vụ cho mục đích công cộng trong các công ty Lâm nghiệp. Với đồng bào, ngôi nhà không chỉ để che mưa che nắng như đình canh định cư hiệu, ngôi nhà là bảo tàng nuôi dưỡng niềm tin đối với các vị Thần Thiên nhiên, xây dựng nhà là chiến lược giáo dục và giáo dưỡng của đồng bào truyền lại những đạo lý ứng xử với các vị Thần của Tự nhiên trong rừng. Nhân Nghĩa đó ở trong rừng là không thừa và không thiếu để giữ gìn, nuôi dưỡng và phát huy tri thức sáng tạo của đồng bào trong không gian sinh tồn tự tại từ thế hệ này sang thế hệ khác. Những ngôi nhà của đình canh định cư theo văn hóa chìa khóa trao tay để di dời đồng bào ra khỏi rừng là một hạ sách trong chiến lược lãnh đạo quốc gia, thiếu hiểu biết về văn hóa, về đa dạng sinh học và phát triển hài hòa, trống vắng đạo đức ‘nhà nước của dân, do dân, và vì dân’. (*Xem chi tiết nghiên cứu điểm làng tái định cư huyện Sa Thầy, Tỉnh Kon Tum*).

---

<sup>12</sup> Pháp luật trong tay người thống trị. Nghị định 200/2004 “Chương IV. Các giải pháp cụ thể. Điều 7. Về đất đai. Điểm 2. Xử lý, giải quyết dứt điểm các trường hợp tranh chấp và vi phạm pháp luật về đất đai (*đất Lâm trường bị lấn chiếm, có tranh chấp, vi phạm*) *giải quyết dứt điểm đối với từng trường hợp cụ thể theo qui định của Pháp luật*.

## II.2. ‘Đổi mới’ - kinh tế đa thành phần (1992 - 1999)

Song song thời điểm 1986 – 1992 - 1999, giao thời của một loạt cân nhắc hậu quả độ lên Chủ nghĩa Xã hội bỏ qua thực chứng Tư bản Chủ nghĩa, cả đất nước hướng tới kinh tế đa thành phần từ hai thành phần (kinh tế Nhà nước và Kinh tế tập thể thông qua Hợp Tác xã chẳng giống ai). Sự qua tâm đầu tiên của Nhà nước là *qui hoạch và phân tích lại toàn bộ hệ thống rừng*<sup>13</sup>, *nguồn vốn và điểm tựa duy nhất để ‘Đổi mới’ xã hội và nâng cấp vai trò lãnh đạo của Chính phủ tiếp cận ‘Đổi mới’*. Các chính sách ra đời thực hiện lộ trình ‘Đổi mới’ liên quan đến 19 triệu ha rừng và đất rừng được đặt lên vai các Nông Lâm trường Quốc doanh. Chức năng khai thác trở thành chức năng tái trồng rừng, chăm sóc, và bảo vệ hạch toán, gấn thu, bù chi là những mộng tưởng thiếu hiểu biết của một quốc gia bước vào nền kinh tế đa thành phần, được định hướng một mũi tên từ trên xuống dựa vào Nông Lâm trường trong suốt gần nửa thế kỷ, bắt đầu từ 1959, chủ trương đi lên Chủ nghĩa Xã hội, bỏ qua chế độ Tư bản Chủ nghĩa vẫn chưa rõ hình hài!?. Luật đất đai, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng cùng hàng chục văn bản dưới luật, những chủ trương mở đường cho ‘Đổi mới’ trên 19 triệu ha rừng và đất tiếp tục đặt lên vai các ông chủ Nông Lâm trường với những trái tim vô cảm và bộ nhớ đã chất đầy các lưỡi cưa xẻ rừng làm bàn đạp của mọi lũy tiền, thật là chẳng giống ai!?.

Riêng phân tích công sản rừng và đất thông qua một chuỗi hệ thống số lần qui hoạch duy ý chí từ trên xuống thông qua các văn bản ‘Đổi mới Lâm trường Quốc doanh’ cũng đủ ngạt thở vì sự ưu tiên không biết điểm dừng cho các tổ chức này. Hàng loạt chính sách<sup>14</sup> liên quan đến sắp xếp lại Nông Lâm trường Quốc doanh, văn bản hướng dẫn thành lập các công ty trực thuộc Nông Lâm trường đều tập trung khẳng định nhiệm vụ mở rộng diện tích chiếm dụng rừng và đất rừng. Các văn bản vắng bóng dân. Việc ra đời chỉ thị 90/CP/1992 đã tạo động lực cho chính cán bộ công nhân viên Lâm trường và nhân dân sống trong rừng phá rừng vô tội vạ bởi chủ rừng là các Lâm trường chính thức về văn bản là giải thể, chuyển hình thức hạch toán, gấn thu bù chi trong lúc chưa có một giấy khai sinh khác thay thế cho dù chỉ là giấy tờ thuần túy!?. Đồng bào sống tại rừng hàng trăm năm nay bị thông báo đóng cửa rừng, là hậu họa của người người vào rừng, nhà nhà vào rừng, ngành ngành vào rừng.

<sup>13</sup> Tư bản chủ nghĩa phân tích hệ thống tri thức công nghệ làm điểm tựa để tạo lợi nhuận. Chủ nghĩa Xã hội Việt nam lấy rừng, đất rừng và các ông chủ Lâm trường làm nền tảng để tạo lợi nhuận.

<sup>14</sup> 1) Nghị định 388/HĐBT ngày 20/11/1991; 2) Chỉ thị 90-CT ngày 19/3/1992; 3) Chỉ thị 12/TCLN ngày 19/8/1992 của Bộ Lâm nghiệp; 4) Nghị định 12/CP ngày 02/3/1993; 5). Nghị định 01/NĐ-CP ngày 4/1/1995 về giao rừng và đất rừng lâu dài ổn định; 6) 661/QĐ -TTg ngày 29/7/1998 Quyết định; 7) Nghị định số 163/1999/NĐ - CP ngày 16/11/1999; 8) Quyết định số 187/1999/QĐ-TTg; 2005 - 2010; 9) Số 3256/VPCP-NN ngày 13/6/2005; 10). Số 198/TB-VPCP ngày 28/11/2006 ; 11) Số 68/TB-VPCP ngày 14/3/2008 ; 12) Số 159/TB-VPCP ngày 18/5/2009 13) Số 6145/VPCP-KTN ngày 30/8/2010; 14) Số 25/TB-VPCP ngày 25/2/2011; 15) Số 1019/TTg-ĐMDN của Thủ tướng chính phủ ngày 24/6/2011 ; 16) Số 4664/VPCP-KTN ngày 11/7/2011; 17) Số 277/TB-VPCP ngày 16/11/2011; 18) Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 17/1/2012 của Thủ tướng chính phủ; 19) Số 30/TB-VPCP ngày 1/2/2012 ; 20) Số 861/VPCP-ĐMDN ngày 15/2/2012 ; 21) Số 1449/VPCP-ĐMDN ngày 8/3/2012

Rừng bị tàn phá dữ dội, hàng trăm ngàn cán bộ công nhân viên Nông Lâm trường khủng hoảng, Chính phủ bắt đầu nhận diện nguy cơ và; Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 327/CT ngày 15/9/1992 về chủ trương chính sách sử dụng đất trồng, đồi núi trọc, rừng, bãi bồi, ven biển và mặt nước, được gọi tắt là dự án 327 với hàng ngàn tỉ đồng.

Quyết định 327/CT ngày 15/9/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Phần I. Chủ trương. Điều 2. “Việc xây dựng các dự án... dựa vào các Nông Lâm trường hiện có, kể cả Nông Lâm trường quân đội làm nòng cốt...”

Để giải ngân được dự án 327, các Chủ Nông Lâm trường buộc phải có diện tích rừng khoanh vẽ trên bản đồ, phải có đối tác và địa chỉ nhận khoán trồng và chăm sóc, phải tuân thủ tiêu chí kiểm tra đánh giá tiến độ giải ngân và tỉ lệ rừng sống sót sau khi nhận tiền trồng và chăm sóc, phải có số liệu báo cáo và phê duyệt, phải có đầu ra dự kiến sau giải ngân, vân vân và vân vân. “*Công sản rừng và đất rừng được các chủ nông lâm trường qui hoạch lần thứ nhất*”!

Dự án 327 là gói cứu trợ cho các chủ Nông Lâm trường đang rơi vào lâm nguy cả về trữ lượng rừng và sinh kế của hàng trăm ngàn công nhân viên vốn dĩ sống dựa vào nguồn bao cấp từ khai thác trong hơn một thập kỷ. Quyết định 327. Mục III. Tổ chức thực hiện. Điều 17. mục gạch đầu dòng thứ tư có đề cập đến phê duyệt các dự án 327 là Hai Trung tâm Khoa học Quốc gia và Ủy ban Khoa học Nhà nước chịu trách nhiệm thẩm tra và phản biện, tuy nhiên chỉ dừng lại trên văn bản của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Thực tế các chủ Nông Lâm trường, kể cả Nông Lâm trường quân đội cùng với cán bộ địa chính mà phần lớn là ấu trĩ bản đồ, đã thiên biến vạn hóa các cánh rừng thông qua cách khoanh vẽ để đối phó giải ngân. *(Nghiên cứu điểm Giao đất giao rừng xã Hạnh dịch, xã Sơn kim, xã Ngư hóa về sự quan liêu, thiếu dân chủ đến mức di dời địa giới hành chính của một số bản làng thuộc địa giới hành chính của xã này sang huyện khác của Tỉnh khác và từ xã này sang xã khác chỉ vì trình độ yếu kém của cán bộ thực hiện các hành vi qui hoạch đất đai mà lại không có tiền lệ thẩm tra đánh giá và tự chịu trách nhiệm của cán bộ nhà nước).*

Sau hai năm thực hiện dự án 327, Chính phủ ngổ ra nhiều bất cập. Nghị định của Chính phủ số 02/CP ngày 15/1/1994 ban hành qui định về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức<sup>15</sup>, hộ gia đình<sup>16</sup>, cá nhân<sup>17</sup> sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích Lâm nghiệp.

<sup>15</sup> Tổ chức: chủ yếu là các tổ chức thuộc lực lượng quân đội thời bình làm kinh tế nhận theo 02/CP

<sup>16</sup> Hộ gia đình trên thực tế chưa có một hỗ trợ thực thi pháp lý đích thực để nhận khoán theo 02/CP.

<sup>17</sup> Cá nhân: trên thực tế là các cán bộ thuộc con em Lâm trường nhận khoán để trồng, chăm sóc và bảo vệ theo cơ chế tự hạch toán dựa vào thầu 327 để duy trì sinh kế sau khi giải thể bao cấp.

Toàn bộ Nghị định 02/CP/1994 không đề cập đến ngưỡng diện tích khoán đối với cá nhân, tổ chức, hộ gia đình. Nghị định 02/CP chỉ đề cập đến thời hạn khoán rừng là 50 năm. Điều 6. điểm b. Đối với các tổ chức khác, gia đình, cá nhân là 50 năm. Hết thời hạn qui định tại điểm này nếu tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đó vẫn có nhu cầu và sử dụng đúng mục đích thì được Nhà nước xem xét tiếp. Nếu trồng các loại cây Lâm nghiệp có chu kỳ trên 50 năm, thì sau 50 năm được Nhà nước giao tiếp cho đến khi thu hoạch sản phẩm chính. “Công sản rừng và đất được hoạch lần thứ hai”!

Nghị định 02/CP/1994 trên thực tế là tạo điều kiện cho các Chủ Nông Lâm trường, cán bộ công nhân viên và những đối tác tinh ranh trong xã hội bắt đầu tham gia nhận khoán với diện tích không hạn chế và thời hạn là 50 năm chăm sóc và trồng rừng. Đồng bào, dân sở tại là những nạn nhân của định canh định cư, họ không nằm trong sự may mắn là một đối tác trực tiếp thực hiện dự án 327 như các chủ Nông Lâm trường.

Trong văn kiện của Nghị định 02/CP/1994. Điều 6. Điểm b. “...tổ chức khác, cá nhân, thời hạn 50 năm. Hết thời hạn qui định...Nhà nước giao tiếp cho đến khi thu hoạch sản phẩm chính’. Không giới hạn về diện tích rừng và đất rừng nhận giao khoán cho Nông Lâm trường, hộ gia đình, tổ chức khác và cá nhân, là một trong những khe hở và là cơ hội đầu cơ tích tụ công sản rừng và đất rừng cho các cá nhân và tổ chức mà hậu đỏi mới (1999-2005) gói đầu tiên tư nhân hóa (2003 – 2012) đã biến tướng hợp pháp những cánh rừng và đất (tại thời điểm Nghị định 02/CP là rừng và đất là công sản quản trị theo phong cách hành chính) thông qua Nghị định 163/CP/1999 (5 quyền), những cá nhân tổ chức này nghiêm nhiên trở thành những ông chủ rừng và đất (đất và rừng bắt đầu quản trị theo cơ chế và phong cách thị trường). Các cá nhân, tổ chức nhận giao khoán rừng và đất năm 1994 theo Nghị định 02/CP với một cơ chế không giới hạn về diện tích; thời gian nhận khoán là 50 năm; 10 năm sau gặp Nghị định 200/2004, Nghị định 200/2004. Tại Điều 4. Cổ phần hóa các Lâm trường kinh doanh rừng trồng gắn với cơ sở chế biến. Điều 6. Thực hiện bán cổ phần ưu đãi cho người sản xuất cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở chế biến. Nghị định 200/2004. Chương III. Đổi mới cơ chế quản lý. Điều 5. Cơ chế quản lý của các Công ty Lâm nghiệp. Điều 2. Thực hiện bán cổ phần cho người sản xuất nguyên liệu, thí điểm cổ phần hóa rừng trồng. Nhiều trong số các ông chủ rừng và đất sau này trở thành những nhà Quyền lực về kinh tế, chính trị, thậm chí lũng đoạn các giá trị xã hội bởi những văn bản của Pháp luật quan liêu, yếu kém cả về năng lực và tính trách nhiệm xã hội của văn bản. Nghị định 200/2004 không cắt nghĩa nổi là vô tình hay hữu ý ví tựa như rước voi về dày mã Tổ- nơi vốn dĩ là đất Tổ tiên, nơi thờ tự các vị Thần Thiên nhiên của đồng bào, và là nơi Hồn Tổ quốc ẩn náu để đưa máu chảy về Trái tim nuôi dưỡng và duy trì qui luật sinh tồn của các dòng dinh dưỡng hạ nguồn theo qui luật của Tạo hóa.

Gần một năm sau, Chính phủ tiếp tục khai sinh Nghị định 01/CP ngày 4/1/1995 qui định về việc khoán rừng và đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước với ??? Ti đồng. Nghị định 01/CP/1995. Điều 9. Giao khoán đất nông nghiệp. Điểm 3. Thời hạn giao khoán là 50 năm. Điều 11. Giao khoán đất Lâm nghiệp. Điểm 2. Thời hạn giao khoán rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 50 năm. Nghị định 01/CP/1995 cũng giống tư tưởng của Nghị định 02/CP là không có giới hạn diện tích đất và rừng mà chỉ đề cập thời hạn là 50 năm đối với quỹ đất nông nghiệp, rừng phòng hộ và cả rừng đặc dụng. Nghị định qui định rõ Nông Lâm trường là đối tượng duy nhất được nhận khoán rừng và đất. “Công sản Rừng và đất được qui hoạch thứ ba vắng bóng dân”!

Sự nỗ lực của cả hai Nghị định 02/CP/1994 và 01/CP/1995 đều kỳ vọng rằng Ngân sách của nhân dân thông qua dự án 327/1992 sẽ mang lại hiệu quả cho rừng, đất và cuộc sống của nhân dân.

Điểm qua thực trạng khoán, nhận của hai Nghị định dưới các bản đồ khoanh vẽ nhận khoán trồng, chăm sóc rừng của dự án 327/1992 do dự án giao đất giao rừng dựa vào Cộng đồng của Viện SPERI phát hiện bằng văn bản cũng đủ thấy bất quá và nực cười khi đọc những tấm bản đồ được khoanh vẽ tại các xã vùng cao. (Nghiên cứu điểm của TEW/CHESH/CIRD tại các vùng giao đất giao rừng từ năm 1997 – 2005 tại Lao cai, Sơn la, Nghệ an, Hà tĩnh, Quảng bình, Daklak, Gia lai)

Theo tâm sự chân tình của các vị lãnh đạo cấp xã và cấp huyện thời bấy giờ, khi cán bộ kỹ thuật của FIPI (Phân Viện qui hoạch điều tra rừng Bắc Trung bộ) và chuyên gia của Viện SPERI cùng họ lần theo giấu vết của chồng lán, của chồng chéo, của những thứ lộn tung phèo trong các văn bản lâm bạ, địa bạ, sổ xanh và tranh chấp, thì mới ngộ ra rằng, những tấm bản đồ tô màu rất đẹp với các lô các khoảnh được đánh dấu chuyên nghiệp, hóa ra đều là kết cục những chuyến du ngoạn của cán bộ địa chính với các chủ Nông Lâm trường ‘cấp trên’!. Họ phân loại rừng theo công nghệ bản đồ GPS, họ giải thửa đất theo ảnh viễn thám trên những mảnh rừng, mảnh đất của dân, sau này lần theo những tấm bản đồ tô màu rất chuyên nghiệp ở dưới là ‘công ty tư vấn đo đạc bản đồ’, ‘công ty đo đạc ảnh địa hình’. Họ ngồi sau xe máy, họ chỉ tay và khoanh vẽ trên các bản bia. Rừng, đất, đỉnh núi được định đoạt vận mệnh, được áng chừng, và thậm chí được di dời đi đâu, thuộc quyền của ai đều bắt đầu từ những bày tay. Những bàn tay không phải vô hình như lý thuyết của Adam Smith cuối thế kỷ 18 rung chuyển một thời. Những bàn tay đích thực của người Cộng sản đang náo nức bước vào hội nhập lấy rừng và đất của nhân dân để tiến thân trên kinh tế toàn cầu. Đây là thời điểm bắt đầu tạo ra sự chồng chéo, chồng lán ngay trên các bản đồ đã được hợp pháp để giải ngân giữa Nghị định 02/CP và Nghị định 01/CP. (Rét, rét ai ơi rét cháy lòng. Hồn buồn tịch mịch đứng trông sông. Ke dè nước ngược Mây xây túi. Luót muốt

*thuyền ai nước ngược dòng. Cá phá chài ai tắm lớp róp. Chim tìm tổ cộ giọng lun run. Quan san thăm thăm ai ai biết. Rét, rét ai ỏi, rét cháy lòng). (Nghiên cứu điểm SPERI)*

Khi được nghe về khái niệm hợp đồng nhận giao và khoán để trồng chăm sóc rừng dự án 327, một số cán bộ chia sẻ: Nấc giải ngân thứ nhất: Chính phủ Trung ương hợp đồng với các chủ Nông Lâm trường. Nấc thứ hai: Chủ Nông Lâm trường hợp đồng với các đơn vị trực thuộc. Nấc thứ ba: Các đơn vị trực thuộc ký hợp đồng với các công ty dịch vụ cung ứng kỹ thuật. Nấc thứ tư: Các công ty dịch vụ cung ứng kỹ thuật ký với các tổ chức, cá nhân tinh ranh trong xã hội. Nấc thứ năm: các cá nhân và tổ chức tinh ranh hơn trong xã hội ký với người trồng và chăm sóc trực tiếp.

Dự án 327 cùng với hai Nghị định 02/CP và 01/CP kéo dài được gần 5 năm từ 1992-1997, Chính phủ vì rừng, vì đất, vì Lâm trường, vì hộ gia đình, vì các tổ chức khác và vì cá nhân là những công dân Việt nam sinh sống tại Việt nam. Giai đoạn này Chính phủ chưa đề cập đến người Việt định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài trong các văn bản tiếp cận rừng và đất. Tuy nhiên, trong gần 5 năm thực hiện dự án 327, điều đáng tiếc là hữu xạ tự nhiên hương do cơ chế đẻ ra, đã gieo rắc một thói quen ‘làm ăn’ thông qua ‘hợp đồng’ được chỉ đạo khít khịt khìn khin theo một dòng quyền lực từ Trung ương đến các ông chủ Lâm Nông trường và Giám đốc các công ty, các cá nhân, tổ chức (có quan hệ với Nông Lâm trường). Khái niệm ‘làm ăn’ được dân hiểu là ‘văn hóa phong bì’ nếu muốn có hợp đồng nhận khoán từ các ông chủ nhiều bậc mà tổng tham mưu là Lâm Nông trường. Trong xã hội vùng núi bắt đầu xuất hiện thói quen phong bì và trở thành ‘điều kiện’ giữa người muốn có hợp đồng nhận giao khoán trồng rừng và bên được quyền ban phát hợp đồng. Một mất mát về đạo đức và quan hệ xã hội ngay trong các bản làng. Cũng từ đây mà tính đoàn kết nội bộ trong một cộng đồng giữa những người nhiều rừng nhiều đất và những hộ phải cày thuê cuốc mướn. Bên cạnh đó, việc thông qua 5 cầu trung gian để giải ngân dự án 327 đã gây mất mát đáng kể không chỉ về kinh phí của nhân dân, mà cả về đạo đức của thể chế, chỉ vì quan điểm lãnh đạo độc quyền và quan liêu, trình độ quản trị yếu kém, thái độ thiếu trách nhiệm của Nông Lâm trường, một lực lượng được Chính phủ ưu ái và tin cậy. Vắng bóng hình dân. Xã hội vùng cao bắt đầu xuất hiện các nhóm lợi ích không chính thức để thôn tính lẫn nhau thông qua ‘cò đất’ và ‘cò rừng’. Hành vi tham nhũng bắt đầu xuất hiện. Mâu thuẫn giữa dân với Lâm trường, giữa cộng đồng với các công ty trực thuộc Lâm trường bắt đầu nảy sinh.

Quốc hội sôi nổi luận bàn những cụm từ lạ hoắc trong văn hóa và bản chất đạo đức của xã hội Việt nam như tham nhũng, cựa quyền, hạch sách. Những bất ngờ chẳng tốt đẹp gì trên các kênh truyền hình cả nước. Đồng bào vùng cao, dân vùng thấp, ai cũng tự hào về dân tộc Việt nam, cả thế giới chiêm ngưỡng nhân dân Việt nam. Hai chữ Việt nam đã trở thành giấc mơ của nhiều quốc gia trên thế giới

về tinh thần đoàn kết, về khí phách anh hùng và sức chiến đấu trong tương quan với các cường quốc năm châu nay trở thành điểm nhấn đề đàm tếu, đề nghị hoặc và lòng tự trọng dân tộc đã ra đi không hẹn ngày về, vậy mà các văn bản vẫn tiếp tục mệnh lệnh. Rút kinh nghiệm về thất thoát của dự án 327 là gói đầu Quyết định 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998. Tổ chức thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.

Tiếp tục ‘Đổi mới’, rút kinh nghiệm dự án 327, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng. Lần này Thủ tướng Chính phủ không sử dụng Nông Lâm trường làm đối tác chỉ định thầu, mà là thành lập các ‘ban quản lý rừng phòng hộ’. Tiêu chí của một ‘ban quản lý rừng phòng hộ’ tối thiểu phải đủ 5000 ha rừng. Để có được tối thiểu 5000 ha, vẫn là các cán bộ thuộc ngành Lâm nghiệp điều động sang các ‘ban quản lý dự án 661’. Họ phải cố tạo ra những tấm bản đồ diện tích được vẽ là 5,000 ha, họ lập luận chứng theo tiêu chí của Quyết định 661/1998. Các số liệu nghiên cứu tại các điểm giao đất giao rừng của Viện SPERI thì hầu hết các bản đồ của ‘ban quản lý rừng phòng hộ’ là phù phép chồng lấn, chồng chéo lên rừng Tâm linh, đất gia đình, rừng cộng đồng, mồ mã của đồng bào. Các xung đột giữa Cộng đồng và các ‘ban quản lý rừng phòng hộ’ hóa ra là do đo vẽ phù phép ở hầu hết các địa phương dưới chữ ký và con dấu của hai công ty: “ Công ty tư vấn công nghệ bản đồ; và Công ty đo đạc ảnh và địa hình” trụ sở đóng tại quận Đống Đa, Hà nội. Hai công ty này được để ra thời hậu đổi mới - tiền tư nhân hóa, tự chủ, tự chịu trách nhiệm bằng cách lập các công ty, đón cửa những dự án được xì nhan ngay trong các cơ quan cấp Bộ của Trung ương, và tiếp tục phong cách của dự 327. “Rừng và đất được qui hoạch lần thứ 4”.

Hai công ty này, với những phù phép trên địa bàn nhiều tỉnh từ những năm hậu đổi mới, tiền tư nhân hóa đã gây lộn tung phèo lên hầu hết các cánh rừng tâm linh, rừng dòng họ bảo vệ nguồn nước, rừng văn hóa thuốc nam... của cộng đồng dân tộc thiểu số, nơi họ đã thờ phụng hàng trăm năm nay. (*xem nghiên cứu điểm SPERI về chồng lấn bản đồ để có được một Ban quản lý với 5,000 ha rừng theo chuẩn của Nhà nước tại nghiên cứu điểm một thôn Lùng sán, xã Lùng sui bị chồng lấn bởi hệ thống đo đạc bản đồ do Công ty đo đạc ảnh địa hình Quận Đống Đa-Hà nội*)

Ngay một năm sau, Nghị định của Chính phủ số 163/1999/NĐ – CP ngày 16/11/1999 về việc giao đất, thuê đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích Lâm nghiệp. Nghị định 163 là cơ hội Vàng cho các ông chủ Nông Lâm trường, các công ty trực thuộc Nông Lâm trường (để ra từ dự án 327), các tổ chức khác, các cá nhân được ưu ái từ Nông Lâm trường hợp đồng nhận khoán không giới hạn diện tích với thời gian 50 năm theo qui định của cả hai Nghị định 02/CP/1994 và 01/CP/1995, nghiêm nhiên chuyển những tấm bản đồ được chỉ tay, khoan vẽ, ghi tên, nhận sổ hợp pháp hóa thành

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (sổ đỏ) với: 1) quyền sử dụng; 2) Quyền thế chấp; 3) Quyền góp vốn; 4) Quyền chuyển nhượng; 5) Quyền thừa kế. Các Nông Lâm trường, các công ty trực thuộc Nông lâm trường, các cán bộ công nhân viên Nông Lâm trường, những thành phần tinh ranh trong xã hội, lúc này là những chủ rừng và đất rừng với 5 quyền ưu đãi, trên một qui mô có giới hạn là 30 ha/hộ gia đình qui định tại Điểm 1. Điều 13 Nghị định 163/CP. Không có hạn mức cho các loại hình tổ chức. Không qui định hạn mức cho các loại hình cá nhân. Thời hạn giao đất và cho thuê đất Lâm nghiệp tại tại Điểm 2. Điều 13 và Điểm 3. Điều 14 của Nghị định 163/CP/1999, và tại Điểm c. cá nhân, hộ gia đình sử dụng ổn định 50 năm. “Công sản rừng và đất được qui hoạch lần thứ 5”.

Nghị định 163/CP/1999, bản chất là cơ hội pháp lý cho các chủ Nông Lâm trường, các công ty trực thuộc các Nông Lâm trường, các cá nhân được Lâm Nông trường ưu ái chiếm dụng hàng chục triệu ha rừng và đất rừng.

*‘Nhân và Quả’ luân hồi của ‘Đổi mới’ lấy công sản rừng và đất của toàn dân để thế chấp, để góp vốn thông qua một nhóm lợi ích là các công ty, các ông Chủ Nông Lâm trường trong khi Hiến Pháp và Pháp luật vẫn bình chân và, vẫn khích lệ những sòng bạc, những sân gold và tiếp tục đổi mới Nông Lâm trường Quốc doanh để hội nhập!?.(Không có bất kỳ một con số thống kê chính xác nào hợp pháp để làm căn cứ phân tích)*

Nghị định 163/CP - mốc lịch sử đầy nước mắt. Có thể nói rằng Chính phủ đang tâm mở đường cho các Nông Lâm trường, các loại hình công ty muôn màu muôn vẻ là con đẻ của Nông Lâm trường - những Phù thủy chiếm đoạt rừng và đất; thuộc địa hóa Cộng đồng các dân tộc thiểu số ngay trong lòng một Quốc gia, là mầm mống của tham nhũng ngay từ trong thể chế, là cội rễ của mọi thủ đoạn và; chính các đối tượng này là chủ nhân của tư nhân hóa trên sự chiếm dụng công sản rừng và đất của nhân dân do cơ chế tạo ra. *(Xem hình thức chuyển đổi từ Lâm trường Hữu Lũng – cấp huyện, tại nghiên cứu điểm công ty Thịnh lộc đã dùng phép ma thuật để có được 1600 ha rừng và đất ở xã Đồng thắng, và công ty Tân Nguyệt lấy hàng trăm ha ở Hữu lũng, vốn dĩ là những người làm công ăn lương tại Lâm trường huyện Hữu lũng mới từ những năm 2000-2005, chỉ sau vài năm thực hiện một loạt các văn bản dưới danh nghĩa đổi mới Nông Lâm trường Nhà nước, các “ông chủ” ma thuật đã biến công sản rừng và đất vào tay mình một cách trắng trợn giữa ban ngày mà không có một sự động tĩnh nào của vai trò đại diện chủ sở hữu công sản toàn dân, cái gọi là kỹ cương phép nước phát hiện hoặc cảnh báo ).*

*Sau gần một thập kỷ (từ 1990 – 1999), bản chất của ‘Đổi mới’ là quá trình lập pháp, hành pháp và tư pháp thiếu trách nhiệm, thiếu hợp tác và nghèo niềm tin đối với nhân dân. Thiên vị không biết điểm dừng đối với các Chủ Nông Lâm trường và các công ty trực thuộc Nông Lâm trường là ngược đãi với nhân dân,*



*đặc biệt là đồng bào sống trong rừng. Sử dụng ngân sách của Nhân dân thông qua Nông Lâm trường và công ty thiếu minh bạch, không cho phép dân tham gia kiểm tra giám sát là tham nhũng thể chế.*

Bất cập, mâu thuẫn, và tranh chấp đất đai giữa cộng đồng với các chủ Nông Lâm trường và các công ty ngày càng gia tăng. Rừng và đất nơi cộng đồng sinh sống hàng trăm năm bị khoanh vào bản đồ của các loại hình công ty, các loại hình ban quản lý, các chủ Lâm Nông trường và các đại gia sinh ra từ các dự án 327/1992, từ Nghị định 02/CP/1994, 01/CP/1995; và dự án 661/1998 và hợp pháp hóa bởi 163/NĐ/1999, đã thôn tính gọn công sản rừng và đất của nhân dân. (*Anh Nam – cán bộ địa chính xã Hạnh dịch di dõm tường đũa mà là thật: ‘tôi sống trên sàn, bước xuống cầu thang là đất của Tổng đội thanh niên xung phong’ Bản chiếng, xã Hạnh dịch, Huyện Quế phong sau khi chương trình giao đất giao rừng theo Nghị định 01/CP/1994, đã di dời toàn bộ bản Chiếng sang thuộc địa phận của một chủ khác, Xã Ngu hóa, Huyện Tuyên hóa, Tỉnh Quảng bình bị bản đồ hóa sang xã Kỳ lạc thuộc Huyện Kỳ anh, Tỉnh Hà tĩnh – kết quả nghiên cứu và Giao đất giao rừng của Trung tâm CIRD năm 2003*).

Thời điểm ra đời Nghị định 163/1999/NĐ – CP với 5 quyền hợp pháp sử dụng rừng và đất rừng là cơ hội thôn tính vĩnh viễn sinh kế và chủ quyền sinh kế của Cộng đồng, là sự bắt đầu của của các dịch bệnh đầu cơ, tích tụ, tranh tối, tranh sáng, mở màn cho các tập đoàn, các tổng công ty trên những sàn giao dịch bất động sản do Nhà nước thống nhất quản lý. Cộng đồng các tộc người thiểu số và nhiều triệu dân ở các vùng rừng trở thành ‘kiếp đọa đầy’ ngay trong lòng một Quốc gia ‘tiên thắng’ lên Chủ nghĩa Xã hội bỏ qua Tư bản Chủ nghĩa trong mệnh lệnh và thiên vị. (*xem nghịch lý về quyền quản lý rừng và đất bình quân giữa cán bộ Nông Lâm trường và Công ty với các hộ nông dân miền núi<sup>18</sup>. Diện tích có rừng giao cho hộ theo công bố hiện trạng rừng năm 2011 của Bộ Nông nghiệp. Bình quân đất rừng của LT/CT lâm nghiệp: Tài liệu hội thảo quốc gia 15/5/2011*).

Chính phủ luôn tạo hành lang pháp lý và bạt đèn xanh cho các Nông Lâm trường, các công ty và các ‘ban quản lý thuộc Chính phủ’ mà quên đi vai trò vận đải của người dân trường tồn và gắn bó trong rừng. Trong chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, cộng đồng các dân tộc thiểu số và dân là những hoa tiêu trong rừng, là những cộng sự tin cậy của người chiến sĩ, là lực lượng cảm tử cho tổ quốc quyết sinh trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Hòa bình lập lại, Chính phủ không còn tin dân nữa. Thậm chí không ít quan chức cho rằng dân tộc thiểu số lạc hậu, mê tín dị đoan, phá rừng và chậm tiến nên buộc phải di dời ra khỏi rừng.

Chính phủ đặt niềm tin vào các ban quản lý rừng, Nông Lâm trường và các công ty trực thuộc Lâm trường, lực lượng làm công ăn lương để giữ rừng nhưng lại không tin vào người dân sống gắn bó từ đời này đến đời khác với rừng. Đặc biệt là Cộng đồng các dân tộc thiểu số gắn phong tục và tín ngưỡng của họ trong các cánh rừng. Những đặc quyền quản lý, điều hành các dự án trọng điểm đều vắng bóng người dân, dân không được biết, không được bàn và không được tham gia kiểm tra, giám sát. Họ là những người ngoài cuộc thụ động cày thuê cuốc mướn ở chuỗi cuối cùng của các đối tượng cai thầu các chương trình trọng điểm danh nghĩa là vì dân. Sự khác nhau đó dai dẳng gần 3 thập kỷ vẫn chưa xích lại được gần nhau.

### II.3. Hậu công sản, tiền cổ phần hóa đất đai và rừng (post common land, pre-shareholder forest & Land – 1999-2008)

*Sau 4 năm (1999 – 2003) đau đầu và bất ổn, tranh chấp, mâu thuẫn và thậm chí đã có những xung đột lớn. Cuộc bạo loạn của Cộng đồng các dân tộc hai tỉnh Đaklak và Gia lai năm 2001 là những chỉ số đáng hổ thẹn về một thời lầm lỗi của 5 lần qui hoạch trên giấy tờ quan liêu và độc quyền; với những ưu đãi mù quáng không có điểm dừng đối với các ông chủ Nông Lâm trường và các công ty con đẻ của các Nông Lâm trường, lãng quên dân và Cộng đồng các dân tộc thiểu số, đã để lại những vết thương lòng khó quên.*

Luật Đất đai 2003. Điều 117. Điểm 2. Quyền và nghĩa vụ của cộng đồng dân cư sử dụng đất. “Cộng đồng sử dụng đất không được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, tặng cho quyền sử dụng đất, không được thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất”. Điều 9. Điểm 3. Cộng đồng dân cư, thôn, buôn ấp có cùng phong tục tập quán hoặc có chung dòng họ **được** Nhà nước giao đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất. Nghị định 181/2004/NĐ-CP NGÀY 29/10/2004 về thi hành Luật Đất đai. Điểm 3. Điều 54. Đất có di tích lịch sử- văn hóa của cộng đồng dân cư thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho cộng đồng dân cư. Phòng tài nguyên và môi trường xử lý biến động về sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp tại các điểm b- 1 khoản 4 Điều 41 của Nghị định 181 này. Điều 71. Điểm 5. Nghị định 181. Cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng phòng hộ theo qui định của Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng. Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng số 29/2004/QH 11 ngày 3/12/2004. Điều 29. Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn. Điểm 1. mục a. Cộng đồng dân cư thôn có cùng phong tục, tập quán, có truyền thống gắn bó cộng đồng với rừng về sản xuất, đời sống, văn hóa, tín ngưỡng, có khả năng quản lý rừng, có nhu cầu và đơn xin giao rừng. Điểm 2. Mục a. Các khu rừng hiện cộng đồng đang quản lý và sử dụng hiệu quả. Mục b. Khu rừng giữ nước phục vụ trực tiếp cho cộng đồng, phục vụ lợi ích chung khác cho cộng đồng. Mục c. rừng giáp danh cần giao cho cộng đồng để phục vụ lợi ích của cộng đồng. Cơ quan xử lý là Ủy ban Nhân dân huyện, quận, xã theo qui định của khoản 1 a. của Điều 29. Một vài Điều, vài điểm của Luật Đất đai

2003 và Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng 2004 phần nào thể hiện sự giác ngộ về văn bản trong chiến lược xoa dịu sự nóng giận của dân. Nhưng đáng tiếc thay văn bản ưu tiên giành cho dân khai sinh quá muộn. Đất dụng võ cho sự ưu ái của văn bản lực bất tòng tâm bởi những cánh rừng đã thuộc về tay những kẻ mũ cao áo rộng. ‘*Ôi thôi thôi, Chùa Tân Thạnh năm canh ung đóng lạnh. Tám lòng son gửi lại bóng trắng vàng*’. Toàn bộ những cánh rừng Tâm linh, rừng truyền thống bảo vệ nguồn nước, rừng đầu nguồn của Bà Chúa nước (tục truyền của đồng bào Tây nguyên), rừng Tông Xenh, rừng Nào lòng, rừng Thử tỉ, rừng dòng họ của đồng bào Hmong Tây bắc; Rừng Liêng piho của đồng bào Khơ mú, lễ Chuông miền của đồng bào Dzao, Rừng Thuộc nam của đồng bào Thái, etc. Siêu thị rừng, trường đại học truyền thống, Bảo tàng sống trong các cánh rừng, không gian sinh tồn và nuôi dưỡng chủ quyền sinh kế của cộng đồng đã yên vị trong tay các ông chủ Nông Lâm trường và các kiểu công ty. Đất vẫn lắc đầu không chịu đi đâu vì sự sắp đặt không thể bung bê theo qui luật của Tạo hóa. Thế mà đất sẵn sàng ngược đãi với cộng đồng bởi đất luôn bằng lòng bôi son trát phấn để chuẩn bị cho các cuộc chơi (gamble) và các sàן giao định bất động sản học đòi Chủ nghĩa Tư bản phương tây của những ‘đại gia thời nhộm nhộm’.

Căn nguyên của sự ra đời Nghị Định 200/2004 song song cùng ngày, cùng tháng, cùng năm với Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng/2004 đề cập trên đây thể hiện một chủ ý được cân nhắc kỹ lưỡng từ phía Chính phủ, nhằm củng cố và hợp pháp hóa nốt các cánh rừng còn thừa thẹo. Nghị định 200/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004. Chương II. Đổi mới cơ cấu tổ chức Lâm trường Quốc doanh Điều 4. Điểm 2 và 3. Lâm trường đang quản lý *dưới 1000 ha* chuyển đổi thành đơn vị sự nghiệp có thu. Nghị định 200/2004/NĐ-CP Chương III. Đổi mới cơ chế. Điều 4. *cổ phần hóa các Lâm trường kinh doanh rừng trồng gắn với cơ sở chế biến.* Điểm 6. *Thực hiện bán cổ phần ưu đãi cho người sản xuất cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở chế biến.* Điều 5. Cơ chế quản lý của các Công ty Lâm nghiệp. Điểm 2. *Thực hiện bán cổ phần cho người sản xuất nguyên liệu, thí điểm cổ phần hóa rừng trồng;* Điểm 3. Công ty Lâm nghiệp được lựa chọn các hình thức khoán rừng, đất Lâm nghiệp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình. Điều 4. *Các công ty Lâm nghiệp được dùng các lợi thế của Công ty liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để trồng rừng, chế biến, kinh doanh và làm dịch vụ theo qui định của pháp luật.* Điều 6. Điểm 2. Cơ chế hoạt động của các Ban quản lý rừng. Được làm chủ các dự án khoán bảo vệ, phục hồi rừng, dự án xóa đói giảm nghèo vùng đệm do ngân sách tài trợ để hỗ trợ bảo vệ rừng. Nghị định 200/2004/NĐ-CP Chương IV. Các giải pháp cụ thể. Điều 7. Về đất đai. Điểm 2. Xử lý, giải quyết dứt điểm các trường hợp tranh chấp và vi phạm pháp luật về đất đai (đất Lâm trường bị lấn chiếm, có tranh chấp, vi phạm) giải quyết dứt điểm đối với từng trường hợp cụ thể theo qui định của Pháp luật. Điểm 3. Rà soát điều chỉnh lại cho phù hợp với qui hoạch sử dụng đất của các Lâm trường quốc doanh... “*Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xác định hoặc điều chỉnh lại diện tích, ranh giới các loại đất giao cho các Công ty Lâm nghiệp, Ban quản lý Rừng dự kiến thành lập*”. Điểm 4. Mục a. *Giao đất không*

thu tiền sử dụng đất đối với Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, Lâm trường chuyển đổi sang loại hình đơn vị sự nghiệp có thu, đất để làm dịch vụ sản xuất giống, chuyển giao dịch vụ, đất phục vụ cho mục đích công cộng trong các công ty Lâm nghiệp. Mục b. Cho thuê đất hoặc giao đất có thu tiền sử dụng cho các công ty lâm nghiệp sử dụng vào mục đích kinh doanh. Mục c. Ủy ban Nhân dân tỉnh tổ chức đo đạc, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty Lâm nghiệp và ban quản lý rừng. Ngân sách địa phương bảo đảm đủ để thực hiện việc rà soát, cắm mốc ranh giới, giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ban quản lý rừng và các công ty Lâm nghiệp. Điểm 5. Đối với diện tích đất không nằm trong qui hoạch để giao cho các Công ty Lâm nghiệp và Ban quản lý rừng thì Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi và ưu tiên giao diện tích này cho đồng bào tại chỗ chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất và đất ở theo mức bình quân chung tại địa phương. Điều 8. Về quản lý và sử dụng rừng. Mục 2. Bàn giao rừng cho các công ty lâm nghiệp và ban quản lý rừng. Điều 9. Về tài chính tài sản. Mục 8. Các Công ty Lâm nghiệp được giao quản lý những diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo kiệt đang trong thời kỳ nuôi dưỡng tại địa bàn vùng sâu vùng xa có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí để quản lý bảo vệ theo qui chế như đối với rừng phòng hộ. Nghị định 200/2004. Chương IV. Các giải pháp cụ thể. Điều 7. Về đất đai. Điểm 4. Mục a. Giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, Lâm trường chuyển đổi sang loại hình đơn vị sự nghiệp có thu, đất để làm dịch vụ sản xuất. Đây là khe hở để các cá nhân thành lập công ty và lập các luận chứng trồng rừng lâm nghiệp (Chỉ riêng một xã vùng cao biên giới như xã Tri lễ, huyện Quế phong có 4 công ty... theo kiểu này) . Điểm 4. Mục phụ . Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí để thực hiện việc rà soát đất, cắm mốc ranh giới, giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các Ban quản lý rừng và các công ty Lâm nghiệp. Nghị định 200/2004/NĐ-CP Chương V. Tổ chức thực hiện. Điều 14. Trách nhiệm của các tổng công ty. Mục 2. Phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương chỉ đạo các Công ty Lâm nghiệp rà soát đất đai và làm các thủ tục trình Ủy ban Nhân dân tỉnh sở tại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các Công ty Lâm nghiệp trực thuộc tổng công ty. *Công sản rừng và đất được qui hoạch lần thứ 6. (nghiên cứu điểm tại Cao quảng với Lâm trường Bắc sông Danh – CIRĐ).* Nghị định 200/2004 với một chiến lược và ý đồ tính toán khôn ngoan toàn diện và tập trung quyền lực triệt để thôn tính rừng và đất từ ‘ tiếp tục đổi mới Nông Lâm trường’ của Chính phủ và, được tồn tại song hành với những Điểm và những Điều xoa dịu lòng dân tại Luật Đất đai/2003 và Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng/2004, nhưng trong thực tế không thể thực thi nổi vì đã hết rừng do sự phong tỏa mọi phía tập trung cho các Công ty và các Ông chủ Nông Lâm trường của Nghị định 163/CP/1999 và Nghị định 200/2004.

## II.4. Hậu cổ phần hóa và tiền tư nhân hóa rừng và đất (post – shareholder and Pre-Privatization Land)

Sau Nghị định 200/2004, các ông chủ Nông Lâm trường và các công ty trực thuộc đã hợp pháp hóa và củng cố lãnh địa của mình, tại các vùng rừng, tranh chấp rừng và đất rừng, đơn thư khiếu kiện ngày càng chồng chất, Chính phủ tiếp tục xoa dịu những mất mát về sinh kế, về vị thế chính trị xã hội, về bản sắc văn hóa và tín ngưỡng tộc người bằng Nghị định 23/2006. Điều 20. điểm 2. mục a. “UBND huyện giao rừng sản xuất, rừng phòng hộ không thu tiền sử dụng rừng đối với cộng đồng dân cư thôn, ưu tiên giao những khu rừng gắn với phong tục, truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số”.

Ban hành Nghị định 23/2006. Điều 20 tiếp tục xoa dịu những ám ức và mất mát của dân, Chính phủ vẫn biết rằng: tại Nghị định 200/2004 “Chương IV. Các giải pháp cụ thể. Điều 7. Về đất đai. Điểm 2. Xử lý, giải quyết dứt điểm các trường hợp tranh chấp và vi phạm pháp luật về đất đai (đất Lâm trường<sup>19</sup> bị lấn chiếm, có tranh chấp, vi phạm) giải quyết dứt điểm đối với từng trường hợp cụ thể theo qui định của Pháp luật. Điểm 3. Rà soát điều chỉnh lại cho phù hợp với qui hoạch sử dụng đất của các Lâm trường quốc doanh... Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xác định hoặc điều chỉnh lại diện tích, ranh giới các loại đất giao cho các Công ty Lâm nghiệp, Ban quản lý Rừng dự kiến thành lập. Điểm 4. Mục a. Giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, Lâm trường chuyển đổi sang loại hình đơn vị sự nghiệp có thu, đất để làm dịch vụ sản xuất giống, chuyển giao dịch vụ, đất phục vụ cho mục đích công cộng trong các công ty Lâm nghiệp. Mục b. Cho thuê đất hoặc giao đất có thu tiền sử dụng cho các công ty lâm nghiệp sử dụng vào mục đích kinh doanh. Mục c. Ủy ban Nhân dân tỉnh tổ chức đo đạc, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty Lâm nghiệp và ban quản lý rừng. Ngân sách địa phương bảo đảm đủ để thực hiện việc rà soát, cắm mốc ranh giới, giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ban quản lý rừng và các công ty Lâm nghiệp”. Tất cả những sự kiện trên Chính phủ là người ký và nắm rõ mọi chân tơ kẽ tóc. Tại sao Chính phủ lại đang tâm vậy?

*Hàng ngàn ha rừng tâm linh, tín ngưỡng của đồng bào đã thiên biến vạn hóa và chuyển đổi thành các biệt thự, lâu đài, các khu du lịch sinh thái, các cung đình kiểu học đòi và phô trương giờ ông giờ thằng của các ‘Đại gia thời nhộm nhộm. Cộng đồng trở thành những nô lệ trên chính những mảnh rừng và đất của họ*

Tiếp đến là thông tư số 38/2007/TT-BNN. Mục I. Qui định chung. Điểm 5. **Đấu giá quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng.** Thực hiện

<sup>19</sup> Văn bản pháp luật đã vô hình chung xem dân là thuộc “bên kia của chiến tuyến”, lẽ ra nên dùng ngôn từ: “xử lý nghiêm minh và dứt điểm các hành vi lấn đất của dân” chắc là phải ĐẠO hơn với một Chính phủ của dân, do dân và vì dân

theo Điều 34 Luật Bảo vệ và phát triển rừng, điểm b khoản 3 Điều 20, khoản 4 Điều 21 của Nghị định số 23/2006/NĐ-CP và qui định của pháp luật về đấu giá. Rừng được quản trị theo ý của Chính phủ nhưng tôn thờ lợi ích kinh tế thị trường cũng chẳng giống ai ?!. « Công sản rừng và đất được qui hoạch lần thứ 7 ». Một chỗ dựa hợp pháp của các tư bản kiểu chả giống ai sau này. (Không thể có số liệu công khai trên các thông tin chính thống về số diện tích rừng trồng bị đấu giá sở hữu).

Còn đất thì sao ? Một nghịch lý chả giống ai là Chính phủ định giá, thu hồi đất, bồi thường và tái định cư ngày 13/8/2009 tại Nghị định 69/2009/NĐ-CP trước khi điều chỉnh qui hoạch đất đai. Sau 79 ngày Chính phủ chi tiết điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày 02/11/2009 tại Thông tư Số: 19/2009/TT-BTNMT. Dối theo sự tinh vi và manh động ấu trĩ không thể chấp nhận của các Điều, các Mục tại Thông tư 19/2009. Điều 2. Lập, điều chỉnh và rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Mục 2. Việc tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp dưới được thực hiện trong thời gian tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp trên trực tiếp. Cấp trên trực tiếp phải xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cần phân bổ để làm cơ sở cho cấp dưới lập quy hoạch. « Bán Vãn tự không hỏi ý Trời ».

Điều chỉnh giá đất, định giá đất được Chính phủ chỉ đạo thực hiện trước khi lập qui hoạch sử dụng đất là hành vi lãnh đạo độc quyền toàn trị để cho ra những văn bản vằng bóng dân là phi dân chủ, thiếu minh bạch và thiếu đạo đức, là bản chất tham nhũng thể chế. Thông tư 19/2009. Điều 2. Lập, điều chỉnh và rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Mục 2. Việc tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp dưới được thực hiện trong thời gian tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp trên trực tiếp. Cấp trên trực tiếp phải xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cần phân bổ để làm cơ sở cho cấp dưới lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. « Công sản rừng và đất được qui hoạch lần thứ 8 ».

Ông Trời có mọc gạc thì cũng khó bồi thường và cắt nghĩa việc Chính phủ sẽ tiếp tục thêm gì nữa trên con đường chật hẹp tối tăm của cụm từ 'tiếp tục đổi mới Nông lâm trường' khi công sản của toàn dân trở thành tài sản của các đại gia xanh, đỏ, tím vàng, lục lam chạm trở !?

Tiếp theo là thông tư 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 29/01/2011 giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất thuê đất lâm nghiệp. Yếu tố nước ngoài bắt đầu hiện diện và chính thức hóa các loại giấy khai sinh cho các tập đoàn tùm lum tà la đất, rừng, công nghệ, đóng tàu, chế biến gỗ..., và dần dần khai tử các bản sắc

văn hóa và những giá trị nhân văn của nhiều thế hệ đã dày công vun đắp của nhiều tộc người. Tại Điều 1. Điểm a. Giao rừng ; Điểm b. Hoàn thiện hồ sơ giao rừng ; Điểm c. Hoàn thiện hồ sơ địa chính đối với trường hợp đã được giao rừng nhưng chưa được giao đất thuê đất lâm nghiệp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận. Điều 2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tổ chức nước ngoài liên quan đến sử dụng đất Lâm nghiệp, quản lý, sở hữu hoặc sử dụng rừng... »Điều 7. Hoàn thiện hồ sơ giao rừng, thuê rừng đối với trường hợp đã được giao đất, thuê đất lâm nghiệp có rừng nhưng chưa lập hồ sơ giao rừng thuê rừng. Điều 8. Mục 2. Đối với Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Mục a. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với chi cục Kiểm lâm thẩm tra hồ sơ đề nghị giao đất lâm nghiệp và cấp giấy chứng nhận. Mục b. Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định giao đất lâm nghiệp, cấp giấy chứng nhận cho các ban quản lý rừng phòng hộ, ban quản lý rừng đặc dụng. Điều 8. Điểm 2. Mục a. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với chi cục Kiểm lâm thẩm tra hồ sơ đề nghị giao đất lâm nghiệp và cấp giấy chứng nhận. *« Công sản rừng và đất được qui hoạch lần thứ 9 »*. Với 10 phụ lục hướng dẫn dễ hiểu, chi tiết, lập hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho các ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cho Việt kiều, cho cá nhân và cho tổ chức quốc tế là những ý đồ có tính toán của một số nhóm lợi ích điều khiển các vị trí quyền lực vô đạo đức, nhằm tranh thủ càng nhanh thủ tục hợp pháp hóa các hồ sơ đất đai và rừng của các công ty, cá nhân, tổ chức tinh ranh trước đây nhận khoán chăm sóc rừng, hoặc là nhận thuê đất trồng rừng nhưng chưa có quyền sử dụng đất từ Nghị định 02/CP/1994, 01/CP/1995, qui hoạch rừng phòng hộ thông qua dự án 661/1998 và được hợp pháp hóa bởi Nghị định 163/CP/1999 thiếu vai trò tham gia của dân. Một biểu hiện thoáng đãng đầy thủ đoạn của văn bản mở đường cho cá nhân và công ty tự tin bước vào định đoạt công sản theo luật chơi thị trường (tài sản có giá), một phong cách xã hội mới, một kiểu vinh hoa phú quý mới, một loại đạo đức mới, một xã hội thực dân mới và một hình thức thuộc địa kiểu mới trong lòng người và tình trời đất Việt. Những cánh rừng dòng họ, rừng cộng đồng vô tội đã bị lồm trên các bản đồ đo vẽ của hai công ty : 1) Công ty tư vấn công nghệ bản đồ ; và 2) Công ty đo đạc ảnh và địa hình tại Quận Đống Đa – Hà nội trước đó gần nửa thập kỷ (2006) (*Xem chi tiết nghiên cứu điểm Lũng sui từ tháng 9 năm 2011 đến tháng 11 năm 2012 do Già làng, cộng đồng, chính quyền địa phương và các ban ngành cùng tham gia giao đất gắn liền với giao rừng dựa vào Luật tục và căn cứ pháp lý của thông tư 07/TTLT/2011*).

Tiếp thông tư 07/TTLT/2011, Phó Thủ tướng kính gửi các Bộ số 1019/TTg-ĐMDN ngày 24/6/2011 v/v ‘sắp xếp đổi mới nông lâm trường quốc doanh’. Mục 1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các Bộ : Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chỉ đạo thực hiện hoàn thành việc ký hợp đồng thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất các Nông Lâm trường (công ty trách nhiệm hữu

hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên, công ty cổ phần) dự kiến giữ lại để quản lý sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh. Thời gian hoàn thành trong năm 2011. Trong năm 2012 hoàn thành việc xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, đo đạc mốc, đường ranh giới sử dụng đất cho các Nông Lâm trường, đơn vị thực hiện nhiệm vụ công ích. « Công sản rừng và đất được qui hoạch lần thứ 10 ».

Thập tử Nhất sinh, sau 10 lần qui hoạch tính từ mệnh lệnh ‘đóng cửa rừng’ 1992 tới nay, đã dẫm đạp lên rừng và đất rừng, một công sản của toàn dân, được thống nhất quản lý bởi Nhà nước « đại diện chủ sở hữu » ‘của dân, do dân và vì dân’ bị chiếm dụng và định đoạt trong tay các công ty và một số nhóm ‘lợi ích’ trong xã hội. *Hàng chục triệu dân trôi nổi trên dòng sông tiếp tục ‘đổi mới’ nông lâm trường quốc doanh trong gần nửa thế kỷ chưa có bến bờ.* Hàng năm chờ ngày 23 âm lịch cúng ông Công ông Táo lên trời và hạ hội phân giải một quái thai chưa rõ hình hài. Nỗi lòng người Chính phủ ‘chàng từ đây về nơi gió cát, đêm trăng này nghĩ mát nơi nao’. Các già vẫn canh cánh thao thức chờ ngày gặp người chiến sĩ. Già Điện, dân tộc Mã liêng đã khóc vì lo cho người Thủ đô không có đất để làm nương. Già Cao Mai lo cho người Miền xuôi bị lũ cuốn vì hết rừng. Già Lệnh lo cho con cháu muốn nhìn mặt con hổ thì phải bán 5 tấn ngô để đi xe khách về Hà nội nhìn Hồ nhốt trong công viên bách Thú. Già Keo không dám bẫy đánh cá ở suối cấm vì sợ Thần suối buồn. Già Xây Khư Yzang không thể hiểu nổi tại sao Chính phủ lại bắt xì nhan cho các công ty chặt những cây gỗ 500 năm đang đơm hoa kết trái để tái sinh rừng tự nhiên đầu nguồn cho toàn dân hưởng lợi. Già Chông Zia Zang lo cho người Lóng lán không đủ đất để trồng rau vì Rừng Lóng lán đã cạnh tranh hết đất Lóng lán. Già Làng cán Chư sử lo tại sao Chính phủ không chuyển bát hương từ rừng Nào lòng sang Rừng Hợp tác xã để rừng hợp tác xã cũng được gìn giữ như Rừng Nào lòng. Già Lúa đặt câu hỏi tại sao không giữ rừng theo cách của Hoàng A Tướng 1920. Già Amachem lo phải bán con cháu cho người Kinh để khỏi bị Giàng bắt vì không thờ cúng rừng !?(xem tiếp các nghiên cứu điềm tiếp theo).



